

(1) Chỉ catgut, được sản xuất bằng cách xoắn các dải ruột đã làm sạch và khô, đặc biệt là ruột cừu. Chỉ catgut được sử dụng chủ yếu trong việc sản xuất các loại vợt, dây câu cá và các bộ phận máy móc.

Tuy nhiên, nhóm này **loại trừ** chỉ khâu phẫu thuật đã tiệt trùng hoặc các vật liệu khâu tiệt trùng tương tự (**nhóm 30.06**) hoặc ruột được làm thành dây đàn trong dụng cụ âm nhạc (**nhóm 92.09**).

(2) Màng ruột già (dùng trong kỹ thuật dát vàng) ở dạng miếng hình chữ nhật (kể cả hình vuông) hoặc cắt thành dạng hình khác, và các mặt hàng khác bằng màng ruột già. (Màng ruột già là ruột tịt đã được chế biến của cừu hoặc các động vật nhai lại khác).

(3) Các mặt hàng làm từ bong bóng, như bao thuốc lá dạng sợi; gân làm thành dây đai của máy móc, dải buộc cho dây đai của máy... Ruột động vật "nhân tạo" được làm bằng cách gắn các khúc ruột tự nhiên với nhau cũng thuộc nhóm này

Chương 43

Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo

Chú giải.

1.- Trong toàn bộ Danh mục những nội dung liên quan đến “da lông”, trừ da lông sống thuộc nhóm 43.01, áp dụng cho da sống còn lông của các loài động vật, đã thuộc hoặc chuội.

2.- Chương này không bao gồm:

(a) Da chim hoặc các phần của da chim, có lông vũ hoặc lông tơ (nhóm 05.05 hay 67.01);

(b) Da sống, còn lông, thuộc Chương 41 (xem Chú giải 1(c) Chương đó);

(c) Găng tay, găng hở ngón và găng tay bao, bằng da thuộc và da lông hoặc bằng da thuộc và da lông nhân tạo (nhóm 42.03);

(d) Các vật phẩm thuộc Chương 64;

(e) Mũ và các vật đội đầu khác hoặc các bộ phận của chúng thuộc Chương 65; hoặc

(f) Các mặt hàng thuộc Chương 95 (ví dụ, đồ chơi, thiết bị trò chơi, dụng cụ, thiết bị thể thao).

3.- Nhóm 43.03 kể cả da lông và các phần da lông, được ghép cùng với vật liệu khác, và da lông và các phần da lông, được may lại với nhau tạo thành quần áo hay các chi tiết hoặc phụ trợ quần áo hoặc dưới dạng sản phẩm khác.

4.- Hàng may mặc và phụ trợ quần áo (trừ các sản phẩm mà phần Chú giải 2 đã loại trừ) được lót bằng da lông hoặc da lông nhân tạo hoặc ở mặt ngoài được đính da lông hoặc da lông nhân tạo trừ đồ trang trí thuần túy được xếp vào nhóm 43.03 hay 43.04 tùy theo từng trường hợp.

5.- Trong toàn bộ Danh mục cụm từ “da lông nhân tạo” là loại giả da lông gồm lông cừu, lông động vật hay các loại sợi khác được gắn hoặc may lên da thuộc, lên vải

(1) Catgut, manufactured by twisting strips of cleaned and dried gut, especially sheep's gut. Catgut is used mainly in the manufacture of rackets, of fishing tackle and of machinery parts.

The heading **excludes**, however, sterile surgical catgut or similar sterile suture materials (**heading 30.06**) or gut put up or prepared as musical instrument strings (**heading 92.09**).

(2) Goldbeater's skin in rectangular (including square) pieces or cut to other shapes, and other articles of goldbeater's skin. (Goldbeater's skin is the prepared blind gut of sheep or other ruminant animals).

(3) Articles made from bladders, such as tobacco pouches; tendons made up as machinery belting, laces for machinery belting, etc. “Artificial” guts made by glueing together split natural guts also fall in this heading.

Chapter 43

Furskins and artificial fur; manufactures thereof

Notes.

1. - Throughout the Nomenclature references to “furskins”, other than to raw furskins of heading 43.01, apply to hides or skins of all animals which have been tanned or dressed with the hair or wool on.

2. - This Chapter does not cover :

(a) Birdskins or parts of birdskins, with their feathers or down (heading 05.05 or 67.01);

(b) Raw hides or skins, with the hair or wool on, of Chapter 41 (see Note 1 (c) to that Chapter);

(c) Gloves, mittens and mitts, consisting of leather and furskin or of leather and artificial fur (heading 42.03);

(d) Articles of Chapter 64;

(e) Headgear or parts thereof of Chapter 65; or

(f) Articles of Chapter 95 (for example, toys, games, sports requisites).

3. - Heading 43.03 includes furskins and parts thereof, assembled with the addition of other materials, and furskins and parts thereof, sewn together in the form of garments or parts or accessories of garments or in the form of other articles.

4. - Articles of apparel and clothing accessories (except those excluded by Note 2) lined with furskin or artificial fur or to which furskin or artificial fur is attached on the outside except as mere trimming are to be classified in heading 43.03 or 43.04 as the case may be.

5. - Throughout the Nomenclature the expression “artificial fur” means any imitation of furskin consisting of wool, hair or other fibres gummed or

dệt hoặc lên các loại vật liệu khác, nhưng không bao gồm giả da lông làm bằng cách dệt thoi hay dệt kim (thông thường, thuộc nhóm 58.01 hay 60.01).

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm:

(1) Da lông **trừ** da sống thuộc **nhóm 41.01, 41.02 hoặc 41.03**.

(2) Da đã thuộc hoặc chuội còn lông, đã hoặc chưa ghép nối.

(3) Hàng may mặc, đồ phụ trợ quần áo và các mặt hàng khác bằng da lông (tuân theo **những loại trừ** được chi rõ trong Chú giải chi tiết nhóm 43.03).

(4) Da lông nhân tạo và các vật phẩm của nó.

Cần chú ý rằng da chim, gia cầm và các phần da chim, gia cầm, có lông vũ hoặc lông tơ, **không** được coi như da lông; chúng thuộc **nhóm 05.05 hoặc 67.01**.

*
* *

Cần chú ý rằng các nhóm 43.01 đến 43.03 bao gồm da lông và các sản phẩm bằng da lông của một số loài động vật hoang dã mà hiện nay bị đe dọa bởi nạn diệt chủng hoặc có thể sẽ bị vậy trừ khi việc mua bán các mẫu vật của các loài như vậy được quy định nghiêm ngặt. Những loài như vậy được liệt kê trong bảng Phụ lục của Công ước 1973 về Thương mại quốc tế đối với các giống, loài có nguy cơ tuyệt chủng thuộc hệ động vật và thực vật hoang dã (Công ước Washington).

43.01 - Da lông sống (kể cả đầu, đuôi, bàn chân và các mẫu hoặc các mảnh cắt khác, thích hợp cho việc thuộc da lông), trừ da sống trong nhóm 41.01, 41.02 hoặc 41.03.

4301.10 - Của loài chồn vizôn, da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân

4301.30 - Của các giống cừu như: Astrakhan, Broadtail, Caracul, Ba Tư và các giống cừu tương tự, cừu Ấn Độ, Trung Quốc, Mông Cổ hoặc Tây Tạng, da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân

4301.60 - Của loài cáo, da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân

4301.80 - Của loài động vật khác, da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân

4301.90 - Đầu, đuôi, bàn chân và các mẫu hoặc mảnh cắt khác, thích hợp cho việc thuộc da lông

Nhóm này bao gồm da sống (tức là, chưa thuộc hoặc chuội) còn lông, của tất cả động vật trừ những loại dưới đây, thuộc **nhóm 41.01, 41.02 hoặc 41.03**:

(a) Động vật họ trâu bò (kể cả trâu) (tức là, động vật thuộc nhóm 01.02, xem Chú giải chi tiết của nhóm đó).

sewn on to leather, woven fabric or other materials, but does not include imitation furskins obtained by weaving or knitting (generally, heading 58.01 or 60.01).

GENERAL

This Chapter covers:

(1) Raw furskins **other than** raw hides and skins of **heading 41.01, 41.02 or 41.03**.

(2) Hides and skins tanned or dressed with the hair or wool on, unassembled or assembled.

(3) Apparel, clothing accessories and other manufactured articles of furskin (subject to the **exceptions** specified in the Explanatory Note to heading 43.03).

(4) Artificial fur and articles thereof.

It is to be noted that birdskins and parts of birdskins, with their feathers or down, are **not** treated as furskins; they fall in **heading 05.05 or 67.01**.

*
* *

It is to be noted that headings 43.01 to 43.03 cover furskins and articles of furskin of some species of wild animals which are now threatened with extinction or which may become so unless trade in specimens of such species is strictly regulated. Such species are listed in the Appendices of the 1973 Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (Washington Convention).

43.01 - Raw furskins (including heads, tails, paws and other pieces or cuttings, suitable for furriers' use), other than raw hides and skins of heading 41.01, 41.02 or 41.03.

4301.10 - Of mink, whole, with or without head, tail or paws

4301.30 - Of lamb, the following : Astrakhan, Broadtail, Caracul, Persian and similar lamb, Indian, Chinese, Mongolian or Tibetan lamb, whole, with or without head, tail or paws

4301.60 - Of fox, whole, with or without head, tail or paws

4301.80 - Other furskins, whole, with or without head, tail or paws

4301.90 - Heads, tails, paws and other pieces or cuttings, suitable for furriers' use

This heading covers the raw (i.e., not tanned or dressed) skins with the hair or wool on, of all animals **except** the following, which fall in **heading 41.01, 41.02 or 41.03**:

(a) Bovine animals (including buffalo) (i.e., animals of heading 01.02, see the Explanatory Note to that heading).

(b) Động vật họ ngựa (ngựa, la, lừa, ngựa vằn...).

(c) Cừu và cừu non (**trừ** cừu non Astrakhan, Broadtail, Caracul, Ba Tư hoặc các loại cừu non tương tự, và cừu non Ấn Độ, Trung Quốc, Mông Cổ hoặc Tây Tạng).

Những cái tên Astrakhan, Broadtail, Caracul và Ba Tư được dùng linh động cho các loại cừu non tương tự. Tuy nhiên, các thuật ngữ này, khi được sử dụng trong mối liên hệ với lông, biểu thị chất lượng khác nhau của lông, phụ thuộc, ví dụ, tuổi của cừu non.

(d) Dê và dê non (**trừ** dê và dê non Yemen, Mông Cổ hoặc Tây Tạng).

(e) Lợn, gồm cả lợn lòi Pecari.

(f) Sơn dương, linh dương gazen và lạc đà (kể cả lạc đà một bướu).

(g) Nai sừng tấm, tuần lộc, hoẵng đực và các loại hươu nai khác.

(h) Chó.

Da lông được coi như là loại thô và thuộc nhóm này không chỉ khi ở trạng thái tự nhiên, mà còn khi ở dạng được làm sạch và được bảo quản tránh trạng thái hư hỏng, ví dụ, bằng cách làm khô hoặc ngâm muối (ướt hoặc khô). Lông này có thể được "kéo" hoặc "xén", tức là, lông dạng thô được nhổ ra hoặc cắt đi, hoặc bề mặt da có thể được "lọc thịt" hoặc cạo.

Những miếng da lông và các phần như đầu, đuôi và chân, ở dạng thô, cũng được phân loại trong nhóm này **trừ khi** vật liệu ở dạng phế liệu rõ ràng không phù hợp cho nhu cầu sử dụng của người buôn bán da hoặc người thuộc da, trong trường hợp này chúng bị **loại trừ (nhóm 05.11)**.

43.02 - Da lông đã thuộc hoặc chuội (kể cả đầu, đuôi, bàn chân và các mẫu hoặc các mảnh cắt khác), đã hoặc chưa ghép nối (không có thêm các vật liệu phụ trợ khác) trừ loại thuộc nhóm 43.03.

- Loại da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân, chưa ghép nối:

4302.11 - - Của loài chồn vizon

4302.19 - - Loại khác

4302.20 - Đầu, đuôi, bàn chân và các mẫu hoặc các mảnh cắt, chưa ghép nối

4302.30 - Loại da nguyên con và các mẫu hoặc các mảnh cắt của chúng, đã ghép nối

Nhóm này bao gồm:

(1) Da chưa được ghép nối (kể cả đầu, đuôi, chân và các miếng khác hoặc những miếng cắt) đã thuộc hoặc chuội còn lông với điều kiện là chúng **không** bị cắt thành hình dạng cho mục đích sử dụng đặc biệt. Da lông nguyên con đã thuộc hoặc chuội, chưa được ghép nối và không bị cắt thành hình dạng hoặc được chế biến cách khác cho mục đích sử dụng đặc biệt, vẫn thuộc nhóm này, thậm chí nếu chúng có thể được đưa vào sử dụng ngay lập tức (ví dụ, thảm).

(b) Equine animals (horses, mules, asses, zebras, etc.).

(c) Sheep and lambs (**other than** Astrakhan, Broadtail, Caracul, Persian or similar lambs, and Indian, Chinese, Mongolian or Tibetan lambs).

The names Astrakhan, Broadtail, Caracul and Persian are used loosely for similar kinds of lambs. However, these terms, when used in relation to furs, denote different qualities of furs, depending upon, for example, the age of the lamb.

(d) Goats and kids (**other than** Yemen, Mongolian or Tibetan goats and kids).

(e) Swine, including peccary.

(f) Chamois, gazelle and camels (including dromedaries).

(g) Elk, reindeer, roebucks and other deer.

(h) Dogs.

Furskins are regarded as raw and falling in this heading not only when in the natural state, but also if cleaned and preserved from deterioration, e.g., by drying or salting (wet or dry). The fur may also be "pulled" or "sheared", i.e., the coarse hairs extracted or cut down, or the skin surface may be "fleshed" or scraped.

Pieces of furskin and parts such as heads, tails and paws, in the raw state, are also classified in this heading **unless** clearly waste material not suitable for furriers' use, in which case they are **excluded (heading 05.11)**.

43.02 - Tanned or dressed furskins (including heads, tails, paws and other pieces or cuttings), unassembled, or assembled (without the addition of other materials) other than those of heading 43.03.

- Whole skins, with or without head, tail or paws, not assembled :

4302.11 - - Of mink

4302.19 - - Other

4302.20 - Heads, tails, paws and other pieces or cuttings, not assembled

4302.30 - Whole skins and pieces or cuttings thereof, assembled

This heading covers :

(1) Unassembled hides or skins (including heads, tails, paws and other pieces or cuttings) tanned or dressed with the hair or wool on provided that they have **not** been cut to shape for specific uses. Tanned or dressed whole furskins, unassembled and not cut to shape or otherwise processed for specific uses, remain in this heading, even if they can be put to immediate use (for example, as rugs).

(2) Các vật phẩm ghép nối bằng da lông đã thuộc hoặc chuội hoặc các phần của nó (kể cả da "dropped"), được khâu với nhau mà không cần thêm vào các vật liệu khác thường ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông), hình thang hoặc hình chữ thập.

"Dropped furskins" (da lông "dropped") là loại da lông đã được cắt thành những dải có dạng hình chữ V hoặc W, và được ghép nối lại theo trật tự ban đầu của chúng để thu được loại da lông dài hơn nhưng hẹp hơn.

Việc thuộc bao gồm việc xử lý mặt có thịt bằng các phương pháp tương tự các phương pháp được sử dụng trong sản xuất da thuộc (xem Chú giải Tổng quát Chương 41). Da đã được xử lý như vậy thường có thể phân biệt được với da dạng thô bởi tính dễ uốn dẻo và mềm của nó. Lông cũng có thể được xử lý để tăng thẩm mỹ cho hình thức bên ngoài hoặc để làm giả lông loại mịn hơn bởi các quá trình như tẩy trắng, pha trộn hoặc "topping" (việc nhuộm bề mặt bằng cách dùng bàn chải), nhuộm, chải, trang trí và làm bóng, kể cả việc xử lý với nhựa nhân tạo.

Cần chú ý rằng da còn lông các loại, bị loại trừ khỏi nhóm 43.01 (như da ngựa loại nhỏ, da bê và da cừu), thuộc nhóm này nếu đã thuộc hoặc chuội.

Các vật phẩm ghép nối bằng da lông đã thuộc hoặc chuội hoặc các phần của chúng thuộc nhóm này là các bán thành phẩm bao gồm hai hoặc nhiều loại da hoặc các miếng da đã được khâu với nhau, thường ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông), hình thang hoặc hình chữ thập không cần thêm các vật liệu khác. Các bán thành phẩm này sẽ được gia công thêm.

Những dạng như vậy được biết như:

(1) Các loại vật phẩm ghép nối ở dạng **tấm, tấm lót và dải** - hình chữ nhật (kể cả hình vuông).

(2) Các loại vật phẩm ghép nối **có hình dạng chữ thập**.

(3) **Các vật phẩm bao (lớp lót hoặc phần phủ ngoài)** - ở dạng hình thang, đôi khi được khâu thành dạng hình ống.

Những phần thân dùng để làm áo khoác hoặc áo jacket lông cũng thuộc nhóm này. Chúng thường bao gồm ba bộ phận ráp nối riêng rẽ bằng da lông, một trong ba bộ phận có dạng hình thang cân với một nền cong dài (thân sau sẽ được cắt từ chúng) và hai bộ phận còn lại có dạng hình chữ nhật (thân trước và ống tay sẽ được cắt từ chúng).

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Da lông và các vật phẩm ghép nối bằng da lông (kể cả đầu, bàn chân, đuôi và các mẫu vụn hoặc các miếng cắt khác) ở dạng thô của quần áo hoặc các bộ phận hoặc các đồ phụ trợ hoặc của các mặt hàng khác, và đồ trang trí đã hoàn thiện để sử dụng ngay hoặc chỉ được cắt theo chiều dài để làm đồ trang trí (**nhóm 43.03**).

(b) Các vật phẩm ghép nối (ví dụ, dải trang trí (galloonage)) bao gồm da lông và các chất liệu khác (ví

(2) Assemblies of tanned or dressed furskins or parts thereof (including "dropped" skins), sewn together without the addition of other materials usually in rectangles (including squares), trapeziums or crosses.

"Dropped furskins" are furskins which have been cut into V- or W-shaped strips, and reassembled in their original order so as to obtain a longer but narrower furskin.

Tanning consists of the treatment of the flesh side by methods analogous to those used in the manufacture of leather (see the General Explanatory Note to Chapter 41). The skins so treated may generally be distinguished from raw skins by their softness and pliability. The hair or wool may also be treated to improve its appearance or to imitate finer fur by such processes as bleaching, blending or "topping" (surface dyeing by means of a brush), dyeing, combing, trimming and glossing, including treatment with artificial resins.

It is to be noted that skins with the hair or wool on, of the kinds excluded from heading 43.01 (such as pony skins, calfskins, and sheepskins), fall in this heading if tanned or dressed.

The assemblies of tanned or dressed furskins or parts thereof of this heading are semi-manufactures consisting of two or more skins or pieces of skin which have been sewn together, usually in the form of rectangles (including squares), trapeziums or crosses without the addition of other materials. These semi-manufactures are intended to be further worked.

Such forms are known as :

(1) **Plates, mats and strips** - rectangular (including square) assemblies.

(2) **Crosses** - cruciform assemblies.

(3) **Sacs (linings or robes)** - assemblies in the form of a trapezium, sometimes sewn into tubular form.

Bodies for making fur coats or jackets also fall in this heading. They usually consist of three separate assemblies of furskin, one in the form of isosceles trapezium with a long curved base (from which the back will be cut) and the other two in rectangular form (from which the front and sleeves will be cut).

The heading **excludes**:

(a) Furskins and assemblies of furskins (including heads, paws, tails and other pieces or cuttings) in the rough form of garments or parts or accessories of garments or of other articles, and finished trimmings ready for use as such or requiring only to be cut to length in order to be applied as a trimming (**heading 43.03**).

(b) Assemblies (for example, galloonage) consisting of furskins and other materials (e.g., tails combined with leather or textile fabric) (**heading 43.03**).

dụ, đuôi kết hợp với da thuộc hoặc vải dệt) (**nhóm 43.03**).

43.03 - Hàng may mặc, đồ phụ trợ quần áo và các vật phẩm khác bằng da lông.

4303.10 - Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo

4303.90 - Loại khác

Ngoại trừ những loại được đề cập bên dưới, nhóm này bao gồm tất cả các mặt hàng may mặc, kể cả bộ phận và đồ phụ trợ quần áo (bao tay, khăn choàng, cavat, cô áo...) làm bằng:

(A) Da lông.

(B) Chất liệu khác được lót bằng da lông.

(C) Chất liệu khác có da lông ở mặt ngoài (**trừ** những đồ trang trí đơn thuần).

Lông trong may mặc sẽ được coi như đồ trang trí đơn thuần nếu cấu thành, ví dụ, cô áo và ve áo (với điều kiện là cô áo và ve áo không được làm quá lên tới mức gần giống áo choàng không tay hoặc áo khoác ngắn của phụ nữ), cô tay áo hoặc đường viền túi, váy ngắn, áo khoác...

Nhóm này cũng bao gồm da đã thuộc hoặc chuội còn lông, được ráp nối bằng cách thêm chất liệu khác (ví dụ, dải trang trí (galloonage)) **với điều kiện** là việc thêm vào những chất liệu này không làm thay đổi đặc tính cơ bản như là da lông của bộ phận ráp nối đó.

Thêm vào đó, nhóm này bao gồm tất cả các mặt hàng khác, kể cả các bộ phận, làm bằng da lông, hoặc trong đó da lông đã tạo ra đặc tính cơ bản. Các ví dụ là thảm, khăn phủ giường, ghế đệm chưa nhồi, thùng, túi sách tay, túi trò chơi và túi dệt, và các mặt hàng và phụ kiện sử dụng trong máy móc hoặc thiết bị cơ khí hoặc sử dụng cho mục đích công nghiệp (ví dụ, đầu đánh bóng, bọc ngoài cho con lăn được sử dụng cho sơn hoặc trang trí).

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các mặt hàng thuộc phần đầu của **nhóm 42.02**.

(b) Găng tay thường, găng tay hở ngón và găng tay bao, bằng da thuộc và da lông (**nhóm 42.03**) (găng tay toàn bộ bằng da lông vẫn thuộc nhóm này).

(c) Các mặt hàng thuộc **Chương 64**.

(d) Đồ đội đầu và các phần của nó thuộc **Chương 65**.

(e) Các mặt hàng thuộc **Chương 95** (ví dụ, đồ chơi, thiết bị trò chơi và các dụng cụ, thiết bị thể thao).

43.04 - Da lông nhân tạo và các sản phẩm làm bằng da lông nhân tạo.

Khái niệm "da lông nhân tạo" có nghĩa là một vật liệu bao gồm lông hoặc sợi khác (kể cả sợi ở dạng sợi dây viên) được gắn hoặc may lên da thuộc, vải dệt thoi hoặc vật liệu khác theo cách làm giả da lông; tuy nhiên, khái niệm này **không** bao gồm vải nhung dài dệt thoi hoặc dệt kim đôi khi được gọi là "vải lông" (thường thuộc **nhóm 58.01** hoặc **60.01**), hay lông "điểm" ("pointed"),

43.03 - Articles of apparel, clothing accessories and other articles of furskin.

4303.10 - Articles of apparel and clothing accessories

4303.90 - Other

With the exceptions referred to below, this heading covers all articles of apparel, including parts and clothing accessories (muffs, stoles, ties, collars, etc.) made of:

(A) Furskin.

(B) Other materials lined with furskin.

(C) Other materials having furskin on the outside (**except** as mere trimming).

Fur on a garment would be regarded as mere trimming if constituting, for example, the collar and revers (provided the collar or revers were not so exaggerated as to form virtually a cape or bolero), cuffs or edging to pockets, skirts, coats, etc.

This heading also covers hides or skins tanned or dressed with the hair or wool on, assembled with the addition of other materials (e.g. galloonage) **provided** that the addition of these other materials does not alter the essential character of the assembly as a furskin.

In addition, the heading covers all other articles, including parts, made of furskin, or in which furskin gives the essential character. Examples are rugs, coverlets, unstuffed pouffes, cases, handbags, game-bags and haversacks, and articles and accessories for use in machinery or mechanical appliances or for industrial purposes (e.g., polishing caps, sleeves for rollers used for painting or decorating).

The heading **excludes** :

(a) Articles of the first part of **heading 42.02**.

(b) Gloves, mittens and mitts, of leather and furskin (**heading 42.03**) (those wholly of furskin remain in this heading).

(c) Articles of **Chapter 64**.

(d) Headgear and parts thereof of **Chapter 65**.

(e) Articles of **Chapter 95** (for example, toys, games and sports requisites).

43.04 - Artificial fur and articles thereof.

The expression "artificial fur" means a material consisting of wool, hair or other fibres (including fibres in the form of chenille yarn) gummed or sewn on to leather, woven fabric or other material in a manner imitating furskins; the description does **not**, however, extend to woven or knitted long pile fabrics of the kind sometimes known as "fur fabric" (generally **heading 58.01** or **60.01**), nor to "pointed"

tức là, các loại lông thật mà các sợi lông khác được thêm vào.

Nhóm này áp dụng đối với vật liệu như vậy ở dạng miếng và đối với các mặt hàng (kể cả hàng may mặc và các phụ kiện quần áo) làm từ vật liệu đó, tuân theo cùng một chất lượng như đã được đề cập tới trong Chú giải chi tiết nhóm 43.03 liên quan đến những mặt hàng trong tự bằng da lông thật.

Nhóm này cũng áp dụng đối với đuôi nhân tạo được làm bằng cách gắn các sợi bằng lông hoặc sợi tóc trên một cái lõi bằng da thuộc hoặc dây thừng nhỏ. Tuy nhiên, đuôi làm giả bao gồm một số đuôi thật hoặc mảnh vụn của lông lắp trên một cái lõi thì bị **loại trừ (nhóm 43.03)**.

Phần IX

GỖ VÀ CÁC MẶT HÀNG BẰNG GỖ; THAN TỪ GỖ; LIE VÀ CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIE; CÁC SẢN PHẨM TỪ ROM, CỎ GIẤY HOẶC CÁC VẬT LIỆU TẾT BỆN KHÁC; CÁC SẢN PHẨM BẰNG LIỄU GAI VÀ SONG MÂY

Chương 44

Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

(a) Gỗ, dưới dạng mảnh, mẫu vụn, vỏ bào, được nghiền hoặc tán nhỏ thành bột, dùng chủ yếu trong công nghệ làm nước hoa, dược phẩm, hoặc thuốc diệt côn trùng, diệt nấm hay các mục đích tương tự (nhóm 12.11);

(b) Tre hoặc các vật liệu khác có tính chất như gỗ loại chủ yếu dùng để tết bện, dạng thô, đã hoặc chưa chế, xẻ theo chiều dài hoặc cắt thành từng đoạn (nhóm 14.01);

(c) Gỗ, dưới dạng mảnh, mẫu vụn, vỏ bào, đã được nghiền thành bột, dùng chủ yếu cho công nghệ nhuộm hoặc thuộc da (nhóm 14.04);

(d) Than hoạt tính (nhóm 38.02);

(e) Các sản phẩm thuộc nhóm 42.02;

(f) Các mặt hàng thuộc Chương 46;

(g) Giày dép hoặc các bộ phận của chúng thuộc Chương 64;

(h) Các mặt hàng thuộc Chương 66 (ví dụ, ô dù và batoong và các bộ phận của chúng);

(ij) Các mặt hàng thuộc nhóm 68.08;

(k) Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác thuộc nhóm 71.17;

(l) Các mặt hàng thuộc Phần XVI hoặc Phần XVII (ví dụ, các bộ phận của máy móc, hòm, vỏ, hộp dùng cho máy móc và thiết bị và đồ dùng của thợ đóng xe);

(m) Các mặt hàng thuộc Phần XVIII (ví dụ, vỏ đồng hồ và nhạc cụ và các bộ phận của chúng);

furs, i.e., real furs in which additional hairs have been inserted.

This heading applies to such material in the piece and to articles (including apparel and clothing accessories) made therefrom, subject to the same qualifications as are referred to in the Explanatory Note to heading 43.03 as regards similar articles of real furskin.

The heading applies also to artificial tails made by assembling fibres of fur or hair fibres on a core of leather or cord. Fabricated tails consisting of a number of real tails or scraps of fur threaded on a core are, however, **excluded (heading 43.03)**.

Section IX

WOOD AND ARTICLES OF WOOD; WOOD CHARCOAL; CORK AND ARTICLES OF CORK; MANUFACTURES OF STRAW, OF ESPARTO OR OF OTHER PLAITING MATERIALS; BASKETWARE AND WICKERWORK

Chapter 44

Wood and articles of wood; wood charcoal

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

(a) Wood, in chips, in shavings, crushed, ground or powdered, of a kind used primarily in perfumery, in pharmacy, or for insecticidal, fungicidal or similar purposes (heading 12.11);

(b) Bamboos or other materials of a woody nature of a kind used primarily for plaiting, in the rough, whether or not split, sawn lengthwise or cut to length (heading 14.01);

(c) Wood, in chips, in shavings, ground or powdered, of a kind used primarily in dyeing or in tanning (heading 14.04);

(d) Activated charcoal (heading 38.02);

(e) Articles of heading 42.02;

(f) Goods of Chapter 46;

(g) Footwear or parts thereof of Chapter 64;

(h) Goods of Chapter 66 (for example, umbrellas and walking-sticks and parts thereof);

(ij) Goods of heading 68.08;

(k) Imitation jewellery of heading 71.17;

(l) Goods of Section XVI or Section XVII (for example, machine parts, cases, covers, cabinets for machines and apparatus and wheelwrights' wares);

(m) Goods of Section XVIII (for example, clock cases and musical instruments and parts thereof);